

Bản án số: **30/2022/HSST**

Ngày: 14/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Tuấn và bà Lê Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2022/HSST ngày 01 tháng 04 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Việt H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 19xx, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 0xA, xã C, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Giáo viên, là Đảng viên thuộc Chi bộ trường tiểu học và Trung học cơ sở xã C, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam. Con ông Nguyễn Trọng Đ (sinh năm 193x) và con bà Nguyễn Thị N (đã chết); Vợ: Hoàng Thị Y, sinh năm 198x; có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 33 /2022/HSST- LCĐKNCT ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái. Hiện đang tại ngoại tại thôn 3A, xã Việt Cường, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị Thúy H, sinh năm 197x. Trú tại: Tổ dân phố số 0x, phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 198x. Trú tại: Thôn xA, xã C, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 196x. Trú tại thôn 0x, xã M, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Chị Đỗ Thị Minh N, sinh năm 197x. Trú tại: Thôn L, xã T, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

* *Người chứng kiến*: Ông Phạm Quý D, sinh năm 196x. Trú tại: Tổ dân phố số 0x, phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ, nên trong khoảng thời gian từ ngày 06/11/2015 đến ngày 16/8/2016, tại nhà riêng của Nguyễn Việt H (tổ 0xA, phường P, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái), Phạm Thị Thúy H đã vay của Nguyễn Việt H 04 (bốn) khoản tiền, với tổng số tiền gốc là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), mức lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với phần trăm lãi suất từ 108% đến 180%/1 năm đối với khoản tiền vay, cao gấp từ 5,4 lần đến 9 lần mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015, cụ thể như sau:

1. Khoản vay thứ nhất (số tiền 40 triệu đồng tại giấy vay tiền ngày 06/11/2015) trong thời gian từ ngày 06/11/2015 đến ngày 16/7/2021 = 2.080 ngày:

Ngày 06/11/2015 đến ngày 01/5/2016, H cho H vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), H viết 01 giấy vay tiền, trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất, mà thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày. H và H thỏa thuận với nhau thanh toán tiền lãi hàng tháng, mỗi tháng là 30 ngày, không thỏa thuận thời hạn kết thúc của khoản vay gốc. Đối với khoản vay này, H chưa trả được tiền gốc, tiền lãi thực tế hai bên tính với nhau đến ngày 16/7/2021 là: 45.175.000đồng. Số tiền lãi tối đa tính theo quy định của Bộ luật dân sự H được phép thu là 46.315.000đồng, nên không phát sinh khoản tiền thu lợi bất chính.

2. Khoản vay thứ hai (20 triệu đồng tại giấy vay tiền ngày 06/01/2016) trong thời gian từ ngày 06/01/2016 đến ngày 16/7/2021 = 2019 ngày:

Ngày 06/01/2016 đến ngày 01/5/2016, H tiếp tục vay của H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hai bên xác lập giấy vay tiền, trong giấy không thể hiện lãi suất, mà thỏa thuận miệng lãi suất 5.000đ/01 triệu/ 01 ngày (tương ứng 180%/1 năm), duy trì đến ngày 01/5/2016 (117 ngày). Từ ngày 02/5/2016 đến ngày 16/7/2021 (1902 ngày), H và H thống nhất lãi suất 4.000đ/ 01 triệu/01 ngày tương ứng 144%/01 năm. H và H thỏa thuận với nhau thanh toán tiền lãi hàng tháng, mỗi tháng là 30 ngày, không thỏa thuận thời hạn kết thúc của khoản vay gốc. Đối với khoản vay này, H chưa trả được tiền gốc, lãi tính đến ngày 16/7/2021 đã trả cho H được số tiền là: 33.175.000đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự H được phép thu là 22.477.500đồng. Như vậy, số tiền H thu lợi bất chính là: 33.175.000đ - 22.477.500đ = **10.697.500đ**.

3. Khoản vay thứ ba (25 triệu đồng tại giấy cho vay tiền ngày 02/5/2016) trong thời gian từ ngày 02/5/2016 đến ngày 16/7/2021 = 1902 ngày, lãi suất 5.000đ/ 01triệu/ 1 ngày (180%/1 năm). Khoản vay này, H cũng chưa thanh toán được tiền gốc, nhưng đã thanh toán tiền lãi cho H là 50.350.000đ. Số tiền lãi tối đa theo quy

định của Bộ luật dân sự H được phép thu là: 26.470.000đ. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính là: $50.350.000đ - 26.470.000đ = 23.880.000đ$.

4. Khoản vay thứ tư (số tiền 30 triệu đồng tại giấy cho vay tiền ngày 16/8/2016) thời gian được tính từ ngày 06/9/2016 đến ngày 16/7/2021= 1775 ngày:

Ngày 16/8/2016, H viết 01 giấy cho vay tiền vay của H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tuy nhiên lãi suất được tính từ ngày 06/9/2016 đến 01/01/2017 là 5.000đ/01 triệu/1 ngày, tương đương (180%/1 năm), duy trì từ ngày 06/9/2016 đến ngày 01/01/2017. Từ ngày 02/01/2017 đến ngày 16/7/2021 (1657 ngày). Kể từ ngày 02/01/2017, H và H thống nhất mức lãi suất của khoản vay này là 3.000đ/01 triệu/ 1 ngày (108%/ 1 năm) duy trì đến khi bị phát hiện ngày 16/7/2021. Khoản vay này H cũng chưa trả được tiền gốc. Tiền lãi H trả thực tế cho H là 50.350.000đ. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự H được phép thu là 29.642.500đ. Như vậy, số tiền H thu lợi bất chính là: $50.350.000đ - 29.642.500đ = 20.707.500đ$.

Tổng số tiền 04 lần Nguyễn Việt H cho chị Phạm Thị Thúy H vay là 115.000.000đồng, trong đó khoản vay thứ nhất (40 triệu) không phát sinh tiền thu lợi bất chính. Các khoản vay thứ hai, ba, tư, H thu lợi bất chính tổng số tiền là 55.285.000đồng. Tổng số tiền lãi H đã trả cho H ở khoản vay thứ 2, 3, 4 là: 133.875.000đồng, tổng số tiền lãi H được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 78.590.000đồng.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng vay tiền, do H không trả được tiền lãi đúng hạn nên H và H đã thống nhất cộng tiền gốc và lãi hoặc cộng tiền lãi của các khoản vay chưa thanh toán vào một Giấy vay tiền mới, cụ thể như sau:

*** Giấy cho vay tiền, số tiền 80 triệu đồng ngày 02/5/2016:**

+ Số tiền lãi phải trả của khoản vay thứ nhất 40 triệu đồng, từ ngày 06/11/2015 đến ngày 01/5/2016 (178 ngày) là: $40 \times 5.000đ \times 178 \text{ ngày} = 35.600.000đ$.

+ Số tiền lãi phải trả của khoản vay thứ hai 20 triệu đồng từ ngày 06/01/2016 đến ngày 01/5/2016 (117 ngày) là: $20 \times 5.000đ \times 117 \text{ ngày} = 11.700.000đ$.

Tổng số tiền lãi phải trả của hai khoản vay 40 triệu đồng và 20 triệu đồng đến ngày 02/5/2016 là: $35.600.000đ + 11.700.000đ = 47.300.000đ$ (Bốn mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng). H đã trả được cho H 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) tiền lãi còn nợ lại: $47.300.000đ - 28.000.000đ = 19.300.000đ$. H và H thống nhất cùng làm tròn khoản tiền nợ lãi này thành 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) rồi cộng với khoản vay 40 triệu đồng và 20 triệu đồng tiền nợ gốc, sau đó H viết 01 (một) giấy cho vay tiền với tổng số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 4.000đ/1 triệu/1 ngày. Như vậy từ ngày 02/5/2016 đến ngày 16/7/2021 khoản vay 40 triệu đồng và 20 triệu đồng được tính mức lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (144%/1 năm).

*** Giấy vay tiền, số tiền 105 triệu đồng:** Khoản vay thứ ba ngày 02/5/2016, số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất 5.000đ/ 01 triệu/ 1 ngày (180%/1 năm). Sau đó, H và H thống nhất cộng gộp 02 khoản tại 02 giấy vay tiền 80 triệu đồng và 25 triệu đồng thành giấy vay tiền 105 triệu đồng, tuy nhiên sau đó cả

hai không thống nhất được mức lãi suất nên không thực hiện theo giấy vay số tiền 105 triệu đồng.

*** Giấy cho vay tiền, số tiền 98 triệu đồng ngày 02/01/2017 (toàn bộ là tiền lãi):**

+ Khoản tiền 80 triệu đồng từ ngày 02/5/2016 - 01/01/2017 (245 ngày) là: $80 \times 4.000đ \times 245 \text{ ngày} = 78.400.000đ$.

+ Khoản vay 25 triệu đồng từ ngày 02/5/2016 - 01/01/2017 (245 ngày) là: $25 \times 5.000đ \times 245 \text{ ngày} = 30.625.000đ$.

+ Khoản vay thứ tư 30 triệu đồng từ ngày 06/9/2016 đến ngày 01/01/2017 (118 ngày) là $30 \times 5.000đ \times 118 \text{ ngày} = 17.700.000đ$.

Tổng số tiền lãi phải trả trong giai đoạn từ ngày 02/5/2016 đến ngày 01/01/2017 là: $78.400.000đ + 30.625.000đ + 17.700.000đ = 126.725.000đ$. Hiền đã trả được 28.050.000đ (hai mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi, còn nợ lại: $126.725.000đ - 28.050.000đ = 98.675.000đ$ (Chín mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi, do vậy H và H thỏa thuận Hiền viết 01 giấy vay tiền với số tiền được làm tròn thành 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng) lãi suất 2.000đ/01triệu/1 ngày (72%/1 năm).

*** Giấy vay tiền, số tiền 110 triệu đồng ngày 30/6/2017 (toàn bộ là tiền lãi):**

Ngày 30/6/2017, H yêu cầu H viết thêm 01 giấy vay số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), tuy nhiên số tiền này gồm 98 triệu đồng tại giấy vay ngày 02/01/2017 nêu trên cộng với 12 triệu đồng đều là tiền lãi của các khoản tiền trước đó (80 triệu đồng, 25 triệu đồng, 30 triệu đồng, 98 triệu đồng) H chưa trả được, H không thu tiền lãi với tổng số tiền 110 triệu đồng này mà chỉ thu tiền lãi đối với số tiền 98 triệu đồng tại giấy vay tiền ngày 02/01/2017.

- **Giấy thỏa thuận số tiền 140 triệu đồng ngày 02/8/2020:** Đến ngày 02/8/2020, H và H cùng viết 01 giấy thỏa thuận nếu H trả được số tiền 140 triệu đồng (115 triệu đồng tiền gốc, 5 triệu đồng H vay của Y là vợ của Hi vào năm 2017 và 20 triệu đồng tiền lãi) vào ngày 17/9/2020 sẽ hết nợ, nhưng đến thời gian này H không trả được.

- **Thỏa thuận miệng giữa H và H nhằm thu được 230 triệu đồng:** Do H không trả được 140 triệu đồng như thỏa thuận nên H và H tiếp tục thỏa thuận miệng với nhau đến ngày 23/12/2020 âm lịch (tức ngày 04/2/2021 dương lịch) H phải trả cho H số tiền 230 triệu đồng gồm tiền nợ gốc 115 triệu; 05 triệu đồng H vay của Y và 110 triệu đồng tiền lãi sẽ hết nợ nhưng H không trả được số tiền này. Vì không thực hiện được hai thỏa thuận trên nên H tiếp tục duy trì lãi suất của các khoản vay như ban đầu đến thời điểm bị tố giác là ngày 16/7/2021. Thời điểm cuối cùng H trả được tiền lãi là ngày 24/8/2020.

Như vậy số tiền thực tế Nguyễn Việt H cho Phạm Thị Thúy H vay trong giai đoạn từ ngày 06/11/2015 đến ngày 16/7/2021 là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) gồm các khoản vay 40 triệu đồng, 20 triệu đồng, 25 triệu đồng và 30 triệu đồng. Đối với 20 triệu đồng tiền lãi nằm trong khoản vay 80 triệu đồng ngày

02/5/2016; 98 triệu đồng và 110 triệu đồng tương ứng với các giấy vay tiền trên, quá trình điều tra xác định đây là khoản tiền lãi H chưa trả được cho H.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Việt H giao nộp một số vật chứng, gồm: 01 quyển vở kẻ ngang ghi chép tiền lãi; 01 giấy vay tiền ghi ngày 06/11/2015, số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); 01 giấy vay tiền ghi ngày 06/01/2016, số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 02/5/2016, số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 02/5/2016, số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 02/5/2016, số tiền 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 16/8/2016, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 02/01/2017, số tiền 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng); 01 giấy vay tiền ghi ngày 30/6/2017, số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng); 01 giấy thỏa thuận số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) ghi ngày 02/8/2020; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số: 9704050701012168, mang tên Phạm Thị Thúy H.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKS -TP ngày 31/03/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, truy tố bị cáo Nguyễn Việt H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Việt H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35, 50; Điều 46; 47 Bộ luật hình sự. Phạt Nguyễn Việt H từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng nộp Ngân sách nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp:

- + Đối với số tiền gốc 75.000.000đồng bị cáo cho Phạm Thị Thúy H vay, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội đề nghị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền này hiện nay H đang chiếm giữ nên cần tịch thu từ H để nộp Ngân sách nhà nước.

- + Đối với khoản tiền lãi 55.285.000đồng vượt quá mức lãi suất tối đa do Pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468BLDS 2015, đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính nên trả lại cho người vay - chị Phạm Thị Thúy H.

- + Đối với khoản tiền lãi H được phép thu tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (mức lãi suất 20%/01 năm), của các khoản vay thứ 2,3,4 số tiền 78.590.000đồng, đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm đề nghị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- + Đối với khoản vay 40.000.000đồng, H cho H vay là giao dịch dân sự, đề nghị HĐXX tách phần dân sự ra khỏi vụ án hình sự, để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự độc lập khác khi có yêu cầu.

- Về vật chứng, án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai báo thành khẩn, không có tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử cho hưởng hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, những tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/11/2015 đến ngày 16/7/2021, Nguyễn Việt H đã cho chị Phạm Thị Thúy H vay 04 lần với tổng số tiền là 115.000.000đồng (một trăm mười lăm triệu đồng); chị Phạm Thị Thúy H đã trả cho Nguyễn Việt H tổng số 179.050.000 đồng tiền lãi. Trong đó:

Khoản vay thứ nhất, số tiền 40 triệu đồng tại giấy vay tiền ngày 06/11/2015, Hiền chưa trả được tiền gốc, tiền lãi thực tế hai bên tính với nhau đến ngày 16/7/2021 là: 45.175.000đồng. Số tiền lãi tối đa tính theo quy định của Bộ luật dân sự Hải được phép thu là 46.315.000đồng. Do đó, khoản vay này không phát sinh tiền thu lợi bất chính.

Đối với các khoản vay gồm: Khoản vay thứ hai 20.000.000đồng tại giấy vay tiền ngày 06/01/2016; Khoản vay thứ ba 25.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 02/5/2016; Khoản vay thứ tư 30.000.000đồng, theo giấy vay tiền ngày 16/8/2016, đều với mức lãi suất từ 3000đồng đến 5000đồng/1.000.000đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 108% - 180%/01 năm, đều cao gấp 5,4 đến 9 lần của mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tổng số tiền lãi Nguyễn Việt H đã thu của 03 khoản vay này là 133.875.000đ, trong đó số tiền lãi tối đa được phép thu theo quy định pháp luật là 78.590.000đồng (không quá 20%/1 năm). Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho chị H vay tiền các lần này là **55.285.000đồng**

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Các giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của bên cho vay và bên vay, sổ sách ghi chép về số tiền thanh toán, sao kê ngân hàng, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, bản kết luận giám định, Bản kết luận điều tra, Bản cáo trạng ...

Do đó, đã có đủ căn cứ để kết luận: Nguyễn Việt H đã 03 lần cho chị Phạm Thị Thúy H vay số tiền gốc là 75.000.000 đồng tại các giấy vay tiền ngày

06/01/2016; 02/5/2016 và 16/8/2016, với mức lãi suất từ 3.000đồng đến 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 108% đến 180%/01 năm, cao gấp từ 5,4 đến 9 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 55.285.000đồng, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo HĐXX thấy:

Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng để nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân, nhận thức được việc cho vay với mức lãi suất cao gấp 5 lần trở lên so với mức lãi suất tối đa do Nhà nước quy định là vi phạm pháp luật, nhưng do háms lợi vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải đưa ra xử lý trước pháp luật.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến việc bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là giáo viên, quá trình công tác nhiều năm đạt danh hiệu lao động tiên tiến và giáo viên dạy giỏi, nên cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặt khác, xét nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của H là do chị H chủ động liên hệ tìm đến vay tiền bị cáo, bị cáo không đe dọa, ép buộc hay lợi dụng tình cảnh quẫn bách của chị H. Trước đó và ngoài cho H vay tiền ra, bị cáo không thực hiện hành vi tương tự đối với người nào khác.

Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy: Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo là giáo viên, có nhiều đóng góp trong quá trình công tác, thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt. Vì vậy, khi lượng hình cần cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, có thể xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc 75.000.000đ, Nguyễn Việt H cho Phạm Thị Thúy H vay, đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên bị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền này H vẫn chưa trả được cho H nên cần tịch thu từ Phạm Thị Thúy H để nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi H được phép thu tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (mức lãi suất 20%/01năm), đối với các khoản vay thứ 2, 3, 4 tương ứng số tiền **78.590.000đồng**, là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền **55.285.000đồng** là khoản tiền do bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên trả lại cho người vay - chị Phạm Thị Thúy H.

Đối khoản vay 40.000.000đồng tại giấy vay tiền ngày 06/11/2015. Đây là giao dịch dân sự, có sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp quy định pháp luật. Do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Bị cáo có quyền khởi kiện chị Hiền để đòi lại tài sản trong một vụ kiện dân sự độc lập khác khi có yêu cầu.

[5] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng bị cáo H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra gồm: 01 quyển vở kẻ ngang ghi chép tiền lãi thu được của Nguyễn Việt Hải; 01 giấy vay tiền ghi ngày 06/11/2015, số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); 01 giấy vay tiền ghi ngày 06/01/2016, số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 02/5/2016, số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 02/5/2016, số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 02/5/2016, số tiền 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 16/8/2016, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 02/01/2017, số tiền 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng); 01 giấy vay tiền ghi ngày 30/6/2017, số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng); 01 giấy thỏa thuận số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) ghi ngày 02/8/2020. Đây là những vật chứng mang dấu vết tội phạm nên được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số: 9704050701012xx, mang tên Phạm Thị Thúy H, chị H đã đăng ký hủy sử dụng thẻ với Ngân hàng, không còn giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với Hoàng Thị Y (vợ của Nguyễn Việt H) có cho Phạm Thị Thúy H vay số tiền 5.000.000đ, nhưng không tính lãi, đây là giao dịch dân sự không cấu thành tội phạm, HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Chị Y có quyền khởi kiện H, để đòi tài sản trong một vụ kiện dân sự độc lập khác khi có yêu cầu.

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định trong quyển sổ thu giữ của Nguyễn Việt H có một số trang có ghi chép về việc vay nợ của bà Đỗ Thị Q, ông Hoàng Quốc H, ông Ngô Anh T, ông Vũ Huy Đ...đối với các khoản vay trên đều là giao dịch dân sự không vi phạm pháp luật, Nguyễn Việt H và những người có tên trên đều thống nhất tự giải quyết nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[8] Đối với Giấy vay tiền 80 triệu đồng và Giấy vay tiền 105 triệu đồng cùng ngày 02/5/2016; Giấy vay 98 triệu đồng ngày 02/01/2017; Giấy vay tiền 110 triệu đồng ngày 30/6/2017 và Giấy thỏa thuận 140 triệu đồng ngày 02/8/2020. Các khoản tiền nêu trên đều không phải tiền gốc H cho Hiền vay. Trong các giấy này, có giấy bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi H cộng dồn, có giấy toàn bộ là tiền lãi H chưa thanh toán cho H. Do vậy, H đã viết thành một Giấy vay mới như đã nêu trong phần nội dung của bản án. Do đó, Viện kiểm sát không truy tố H về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đối với các thỏa thuận này là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Thỏa thuận miệng giữa H và H nhằm thu được 230 triệu đồng, cụ thể H phải trả cho H số tiền 140 triệu đồng theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày

02/8/2020, bao gồm tiền gốc 115 triệu; 05 triệu H vay của Y (vợ H) và 110 triệu đồng tiền lãi sẽ hết nợ, nhưng thực tế không thực hiện, H không trả được số tiền này nên không có căn cứ để xem xét, xử lý Hải về hành vi này.

[10] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận.

[11] Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Việt H 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp Ngân sách nhà nước.

3. Về Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu từ Phạm Thị Thúy H số tiền 75.000.000đồng để nộp Ngân sách nhà nước;

- Tịch thu của Nguyễn Việt H số tiền 78.590.000đồng nộp Ngân sách nhà nước;

- Buộc Nguyễn Việt H trả lại cho chị Phạm Thị Thúy H số tiền 55.285.000đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số: 9704050701012xxx, mang tên Phạm Thị Thúy H

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Việt H có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTPYB;
- CATPYB;
- Bị cáo (1);
- Người có ql, nvlq (02)
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Huyện ủy Trấn Yên
(Ủy ban kiểm tra);
- THADS thành phố YB;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy